

Số: 04 /TB-CTĐ

Ninh Bình, ngày 28 tháng 4 năm 2025

THÔNG BÁO
V/v thu Hội phí Hội Chữ thập đỏ năm 2025

Căn cứ Hướng dẫn số 43/HD-TUHCĐ ngày 20/02/2023 về Hướng dẫn thực hiện Điều lệ Hội Chữ thập đỏ Việt Nam. Ban Chấp hành Hội Chữ thập đỏ trường Đại học Hoa Lư thông báo về việc thu Hội phí Hội Chữ thập đỏ năm 2025, cụ thể như sau:

1. Mức thu:

- Mức thu Hội phí: 1.000đ/hội viên/tháng x 12 tháng = 12.000đ/hội viên.

Trong đó:

+ Nộp về Văn phòng Hội Chữ thập đỏ: 15% tổng số tiền Quỹ của Chi hội;

+ Trích lại Quỹ Chi hội: 75% tổng số tiền Quỹ của Chi hội.

2. Thời hạn – địa điểm

- Thời hạn: Đề nghị các chi Hội hoàn thành nộp hội phí trước ngày 20/5/2025
(có danh sách cụ thể kèm theo).

- Địa điểm: Đ/c Đinh Thị Liên – Phòng Chính trị và Công tác HSSV

Trên đây là Thông báo nộp Hội phí năm 2025. Ban Chấp hành Hội Chữ thập đỏ Nhà trường yêu cầu các chi Hội nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện có gì thắc mắc thì liên hệ qua đồng chí Đinh Thị Liên – Phó trường Phòng Chính trị và Công tác HSSV - Ủy viên BCH để tổng hợp báo các BCH Hội để được giải quyết kịp thời. *gluc*

Nơi nhận:

- BCH Hội;
- Các chi hội;
- Lưu: VPH.

**T/M. BCH HỘI CHỮ THẬP ĐỎ
CHỦ TỊCH**



Phạm Quang Huân

TỔNG HỢP CÁC LỚP CHÍNH QUY
CÀN NỘP QUỸ HỘI CHỮ THẬP ĐỎ NĂM 2022 +2023+ 2024+ 2025

STT	Đơn vị	Số SV	Số tiền/SV				Tổng tiền/SV	Tổng tiền/lớp
	Khoa KTKT		2022	2023	2024	2025		
1	D14KT	38				1500	1500	57000
2	D14QTKD	14				1500	1500	21000
3	D15KT1	23	4500	18000	18000	3000	43500	1000500
4	D15KT2	23	4500	18000	18000	3000	43500	1000500
5	D15QTKD	16				3000	3000	48000
6	D16QTKD	23		6000	18000	3000	27000	621000
7	D16KTTH	17				3000	3000	51000
8	D16KTDN	30		6000	18000	3000	27000	810000
9	D17KTTH	33			6000	3000	9000	297000
10	D17KTDN	26			6000	3000	9000	234000
11	D17QTKD	23			6000	3000	9000	207000
	Khoa XHDL							0
12	D14DL	11				1500	1500	16500
13	D15DL	18				3000	3000	54000
14	D16DL	19				3000	3000	57000
15	D17DL1	44			6000	3000	9000	396000
16	D17DL2	46			6000	3000	9000	414000
	Khoa THMN							0
17	D14MN1	37				1500	1500	55500
18	D14MN2	38				1500	1500	57000
19	D14TH1	46				1500	1500	69000
20	D14TH2	44				1500	1500	66000
21	D14TH3	41				1500	1500	61500
22	D14TH4	44				1500	1500	66000
23	D14TH5	41				1500	1500	61500
24	D15TH1	33				3000	3000	99000
25	D15TH2	35				3000	3000	105000
26	D15TH3	32				3000	3000	96000
27	D15MN1	32				3000	3000	96000
28	D15MN2	35				3000	3000	105000
29	D16MN1	36				3000	3000	108000
30	D16MN2	36				3000	3000	108000
31	D16TH1	40				3000	3000	120000
32	D16TH2	38				3000	3000	114000

STT	Đơn vị	Số SV	Số tiền/SV				Tổng tiền/SV	Tổng tiền/lớp
			2022	2023	2024	2025		
33	D16TH3	39				3000	3000	117000
34	D16TH4	39				3000	3000	117000
35	D16TH5	38				3000	3000	114000
36	D17MN1	38			6000	3000	9000	342000
37	D17MN2	40			6000	3000	9000	360000
38	D17TH1	40			6000	3000	9000	360000
39	D17TH2	36			6000	3000	9000	324000
40	D17TH3	37			6000	3000	9000	333000
41	D17TH4	35			6000	3000	9000	315000
	Khoa SPTH							0
42	D14LSĐL	22				1500	1500	33000
43	D14KHTN	12				1500	1500	18000
44	D15LSĐL	21				3000	3000	63000
45	D15KHTN	21				3000	3000	63000
46	D16LSĐL	14				3000	3000	42000
47	D16KHTN	17				3000	3000	51000
48	D16 Toán	18				3000	3000	54000
49	D17 Toán	20			6000	3000	9000	180000
	Khoa CNTT							0
50	D16CNTT	21				3000	3000	63000
51	D17CNTT	37			6000	3000	9000	333000